

Số: 1254/QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V.v ban hành Quy định mức giờ chuẩn tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của giảng viên, trợ giảng Trường Đại học Lạc Hồng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-ĐHLH.K2 ngày 08/6/2021 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học tư thục Lạc Hồng nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-ĐHLH ngày 07/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên và trợ giảng;

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-ĐHLH ngày 14/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức giờ chuẩn tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của giảng viên, trợ giảng Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu trường;
- Lưu: VT, P.CTSV, (608).

HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thành Hiền

QUY ĐỊNH

**Về mức giờ chuẩn tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng
của giảng viên, trợ giảng Trường Đại học Lạc Hồng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-ĐHLH ngày 15 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng cho tất cả giảng viên và trợ giảng làm việc tại Trường Đại học Lạc Hồng có tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (KN-PVCD).

Điều 2. Định nghĩa hoạt động KN-PVCD của Trường

- Hoạt động KN-PVCD tại Trường Đại học Lạc Hồng là những hoạt động có yếu tố kết nối nguồn lực của cộng đồng/xã hội cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ sinh viên; mang lại giá trị vật chất (hoặc tinh thần) cho các bên có liên quan (bao gồm: cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên hoặc cộng đồng, xã hội).

- Cộng đồng bên trong trường: gồm các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức đoàn thể, các đội nhóm, câu lạc bộ... có thành viên là cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên (CBGVNV-SV) trường. Các hoạt động của cộng đồng này được xem là hoạt động KN-PVCD khi đáp ứng tiêu chí như: mang lại giá trị thúc đẩy phong trào học thuật, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, góp phần nâng cao nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và vị thế của Nhà trường...

- Cộng đồng bên ngoài trường bao gồm các đơn vị hành chính-sự nghiệp, tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp... Các hoạt động đối với cộng đồng bên ngoài trường được xem là hoạt động KN-PVCD khi đáp ứng các tiêu chí như: CBGVNV-SV kết nối với các đơn vị ngoài Trường nhằm mang lại giá trị cho các đơn vị này, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và vị thế của Nhà trường hoặc tạo ra nơi thực hành thực tập, tham quan... cho người học. Ngoài ra, CBGVNV-SV của trường kết nối được cộng đồng bên ngoài trường cùng tham gia tư vấn, chia sẻ trong các hội thảo của Trường, Khoa chuyên môn...; tham gia trong các hội đồng đánh giá, ban tư vấn doanh nghiệp, hội cựu sinh viên, trao học bổng, tặng quà, thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học... cũng được xem là hoạt động KN-PVCD.

Điều 3. Định mức giờ chuẩn hoạt động KN-PVCD

- Số giờ chuẩn tham gia hoạt động KN-PVCD được tính vào số giờ chuẩn hoạt động phục vụ cộng đồng và chuyên môn khác theo Quyết định số 215/QĐ-ĐHLH ngày 07/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường.

- Mỗi giảng viên, trợ giảng (GV-TG) cần tham gia tối thiểu 1 (một) hoạt động KN-PVCD trong năm học.

- Số giờ chuẩn phục vụ cộng đồng (PVCD) được tính như sau: 1 giờ chuẩn = 1 tiết = 4 giờ hành chính.

- Hoạt động được tính giờ chuẩn PVCD chỉ tính một lần, nếu đã tính vào giờ chuẩn PVCD thì không được tính vào giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và ngược lại. Tuy nhiên, GV-TG có thể bảo lưu, chuyển giờ hoặc quy đổi sang giờ giảng dạy/nghiên cứu khoa học trong các trường hợp được nêu tại điều 6,7 của quy định này.

- Số giờ chuẩn quy đổi từ các hoạt động KN-PVCD được thể hiện ở bảng phụ lục kèm theo quy định này.

Điều 4. Quy định công nhận các hoạt động KN-PVCD

- Các hoạt động KN-PVCD được tính giờ định mức hoạt động KN-PVCD theo quy định này là các hoạt động KN-PVCD do GV-TG của Trường thực hiện.

- Định mức về hoạt động KN-PVCD được đánh giá thông qua kết quả thực hiện các hoạt động KN-PVCD được quy đổi thành giờ chuẩn PVCD phải được thống kê, nộp minh chứng kèm theo. Nếu minh chứng không rõ ràng, cụ thể hoặc nộp minh chứng trễ hạn đều không được tính.

- Công trình/ Hoạt động/dự án KN-PVCD phải được ghi rõ tên tác giả là GV-TG của trường. Các hoạt động KN-PVCD phải thể hiện tên cơ quan của tác giả là “Trường Đại học Lạc Hồng” (đối với các hoạt động KN-PVCD thể hiện bằng tiếng Việt) hoặc “Lac Hong University” (đối với các hoạt động KN-PVCD thể hiện bằng tiếng Anh).

- Công trình/ Hoạt động/dự án KN-PVCD nếu có sử dụng Email thì phải sử dụng Email có tên miền là “@lhu.edu.vn”.

Điều 5. Các trường hợp miễn định mức giờ chuẩn PVCD

GV-TG thuộc các trường hợp sau đây được miễn số giờ định mức hoạt động KN-PVCD, cụ thể như sau:

1. GV-TG được cử đi học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc diện tập trung, đúng chuyên môn được miễn 100% số giờ định mức hoạt động KN-PVCD. Trong thời gian học quá hạn sẽ không được miễn số giờ định mức hoạt động KN-PVCD.

2. GV-TG được cử đi học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc diện không tập trung, đúng chuyên môn được miễn 50% số giờ định mức hoạt động KN-PVCD. Trong thời gian học quá hạn sẽ không được miễn số giờ định mức hoạt động KN-PVCD.

3. GV-TG nữ trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản và nuôi con dưới 12 tháng tuổi được miễn 100% giờ định mức hoạt động KN-PVCD.

4. GV-TG trong thời gian nghỉ chữa bệnh dài hạn được miễn, định mức hoạt động KN-PVCD tương ứng thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội (căn cứ quyết định có liên quan của Hiệu trưởng).

5. Các trường hợp miễn khác (nếu có) thực hiện theo quyết định có liên quan của Hiệu trưởng Nhà trường.

Điều 6. Bảo lưu giờ chuẩn PVCD

1. Trong từng năm học, GV-TG có trách nhiệm kê khai và tính số giờ quy đổi (theo mẫu của Phòng Công tác sinh viên) các hoạt động PVCD đã thực hiện và nộp

bản kê khai số giờ quy đổi có xác nhận của lãnh đạo khoa (kèm theo minh chứng) về Phòng Công tác sinh viên (CTSV) để tính giờ cho giảng viên trước ngày 10/5 năm đó. Trưởng khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về tính xác thực của bảng kê khai và minh chứng của giảng viên mà khoa quản lý.

2. Phòng CTSV thẩm định và xác định kết quả giờ quy đổi hoạt động KN-PVCD của các giảng viên và trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

3. Giờ quy đổi của nhiệm vụ KN-PVCD từ ngày 10 tháng 5 đến đầu năm học mới sẽ được tính vào giờ của năm học tiếp theo.

4. GV-TG không đảm bảo số giờ chuẩn định mức về KN-PVCD sẽ phải bù khối lượng còn thiếu thông qua việc khấu trừ vào số giờ chuẩn thực hiện công tác CVHT hoặc các nhiệm vụ chuyên môn khác do Khoa phân công. Nếu số giờ PVCD vượt chuẩn thì áp dụng quy tắc chuyển giờ PVCD qua các năm tiếp theo.

Điều 7: Chuyển đổi giờ chuẩn PVCD

Khi xét bảo lưu và chuyển số giờ PVCD của GV-TG phải đảm bảo tính công bằng, hợp lý và theo hướng khuyến khích GV-TG thực hiện hoạt động KN-PVCD hàng năm.

1. Chuyển đổi giờ chuẩn PVCD sang giờ chuẩn PVCD và hoạt động chuyên môn khác của năm tiếp theo

Điều kiện chuyển đổi:

- GV-TG phải thực hiện tối thiểu 50% định mức giờ PVCD và hoạt động chuyên môn khác của năm đang xét mới được chuyển.

- Số giờ PVCD trong năm vượt quá định mức quy định được bảo lưu và chuyển sang các năm tiếp theo.

- Số giờ PVCD chuyển trong từng năm tiếp theo không được vượt quá 50% định mức về giờ PVCD và hoạt động chuyên môn khác của giảng viên trong năm đó.

- Sau khi bù trừ, nếu GV-TG vẫn không đạt đủ số giờ PVCD thì số lượng giờ thiếu phải thực hiện bù vào năm sau.

Ví dụ:

Năm 2023, giảng viên Trần Văn A thực hiện được 2 hoạt động PVCD (đạt 200 giờ chuẩn PVCD); Cố vấn học tập 1 lớp (đạt 30 giờ chuẩn); thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác do Khoa phân công (đạt 50 giờ chuẩn). Tổng số giờ chuẩn PVCD và hoạt động chuyên môn khác của GV Trần Văn A là 280 giờ.

Định mức giờ chuẩn PVCD và hoạt động chuyên môn khác đối với giảng viên Trần Văn A là 117,5 giờ/năm; số giờ chuẩn PVCD và hoạt động chuyên môn khác chuyển sang các năm sau của giảng viên Trần Văn A là 162,5 giờ, số giờ chuẩn chuyển cụ thể từng năm như sau:

(Giả sử định mức giờ chuẩn PVCD và hoạt động chuyên môn khác là 117,5 giờ chuẩn/năm và không thay đổi)

Năm chuyển	Số giờ chuẩn PVCD và hoạt động chuyên môn khác được chuyển	Số giờ chuẩn PVCD và hoạt động chuyên môn khác phải thực hiện trong năm
2024	117,5 * 50% = 58,75 giờ	58,75 giờ

2025	58,75 giờ	58,75 giờ
2026	45 giờ	72,5 giờ

2. Việc chuyển đổi số giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác sang giờ giảng dạy, giờ NCKH của năm tiếp theo

GV-TG có thể chuyển đổi số giờ chuẩn tham gia hoạt động KN-PVCĐ sang giờ giảng dạy (hoặc giờ NCKH) trong trường hợp GV-TG không đủ số tiết nghĩa vụ giảng dạy hoặc NCKH trong năm học.

Điều kiện chuyển đổi:

- GV-TG phải thực hiện tối thiểu 50% định mức giờ giảng dạy (hoặc giờ NCKH) của năm đang xét mới được chuyển.

- Số giờ PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác trong năm vượt quá định mức quy định và GV-TG **không bảo lưu** để chuyển sang giờ PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác của năm kế tiếp.

- Số giờ PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác chuyển sang giờ giảng dạy (hoặc giờ NCKH) không được vượt quá 30% định mức về giờ giảng dạy (hoặc giờ NCKH) của giảng viên trong năm đó.

Ví dụ:

Năm 2023, giảng viên Trần Văn A đạt số giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác là 280 giờ. Định mức giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác đối với giảng viên Trần Văn A là 117,5 giờ/năm; dư 162,5 giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác.

Tuy nhiên, giảng viên Trần Văn A bị thiếu số tiết nghĩa vụ đối với hoạt động NCKH là 30,5 tiết. Lúc này, số giờ PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác chuyển sang số tiết nghĩa vụ đối với hoạt động NCKH của giảng viên Trần Văn A là 30,5 giờ chuẩn.

Như vậy, số giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác của giảng viên Trần Văn A còn lại được chuyển vào giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác trong các năm tiếp theo là: 132 giờ chuẩn, chuyển cụ thể từng năm như sau:

(Giả sử định mức giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác là 117,5 giờ /năm và không thay đổi)

Năm chuyển	Số giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác được chuyển	Số giờ chuẩn PVCĐ và hoạt động chuyên môn khác phải thực hiện trong năm
2024	$117,5 * 50\% = 58,75$ giờ	58,75 giờ
2025	58,75 giờ	58,75 giờ
2026	14,5 giờ	103 giờ

Chương II

NHIỆM VỤ CỦA GIẢNG VIÊN-TRỢ GIẢNG, KHOA VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 8. Trách nhiệm của giảng viên tham gia các hoạt động KN-PVCD

1. GV-TG phải chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Nhà trường về hoạt động KN-PVCD.
2. Cán bộ, giảng viên và nhân viên có nghĩa vụ đăng ký và báo cáo kết quả hoạt động KN-PVCD theo yêu cầu của Phòng CTSV để làm cơ sở cho việc lên dự toán kinh phí đầu năm học và kinh phí khen thưởng định kỳ.

Điều 9. Nhiệm vụ của các Khoa

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên đăng ký và thực hiện các hoạt động KN-PVCD.
2. Thực hiện phân công, đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ, giảng viên hoàn thành chỉ tiêu KN-PVCD hàng năm của đơn vị.
3. Phối hợp với Phòng CTSV và các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động KN-PVCD cho GV-TG tham gia.

Điều 10. Nhiệm vụ của Phòng Công tác sinh viên

1. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về tổ chức và quản lý công tác KN-PVCD của GV-TG .
2. Tính số giờ PVCD và trình Hiệu trưởng duyệt danh sách các GV-TG tham gia hoạt động PVCD và số giờ PVCD đã hoàn thành tương ứng.
3. Tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc đặt chỉ tiêu PVCD hàng năm cho các đơn vị dựa trên năng lực và tình hình thực tế của đơn vị.
4. Tổ chức giao nhiệm vụ, triển khai thực hiện kế hoạch PVCD của GV-TG theo từng đợt; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ thời gian quy định.
5. Quản lý, lưu trữ hồ sơ các hoạt động KN-PVCD của GV-TG trong năm học.
6. Phối hợp với các khoa, các đơn vị liên quan tổ chức các hội thảo, hội nghị tổng kết, đánh giá hoạt động KN-PVCD của giảng viên.
7. Đề xuất với Hiệu trưởng ra Quyết định khen thưởng các cá nhân và tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ KN-PVCD.

Điều 11. Nhiệm vụ của các đơn vị liên quan

Các đơn vị liên quan trong Trường Đại học Lạc Hồng có trách nhiệm phối hợp với Phòng CTSV và các khoa tổ chức tốt hoạt động KN-PVCD cho GV-TG, cụ thể như sau:

1. Trung tâm Thông tin tư liệu có nhiệm vụ xây dựng phần mềm hỗ trợ việc ghi nhận, đánh giá kết quả, lưu trữ hoạt động KN-PVCD của GV-TG và các đơn vị của trường.
2. Phòng Tài chính có nhiệm vụ thanh toán, tạm ứng, quyết toán các khoản dự toán ngân sách hàng năm, thanh toán các khoản tiền thưởng cho các hoạt động KN-

PVCD được khen thưởng theo đề xuất của Phòng CTSV đã được Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt.

3. Phòng Hành chính – Tổ chức có nhiệm vụ ghi nhận kết quả để bình xét thành tích của cá nhân và tập thể vào cuối mỗi năm học.

4. Các đơn vị có liên quan khác tùy theo chức năng và nhiệm vụ có trách nhiệm tạo điều kiện tốt nhất cho GV-TG tham gia hoạt động KN-PVCD.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung cần thay đổi, các đơn vị và cá nhân gửi ý kiến về Phòng CTSV để tổng hợp trình Hiệu trưởng phê duyệt.

HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thành Hiện

PHỤ LỤC
Nội dung và định mức giờ chuẩn các hoạt động KN-PVCD
của Giảng viên, trợ giảng

TT	Danh mục hoạt động Kết nối - phục vụ cộng đồng	Số giờ/ hoạt động	Ghi chú
I. Tham gia các hoạt động KN-PVCD mang tính học thuật			
1	Tham dự với tư cách là thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo hoặc cộng tác viên cho các hoạt động cấp quốc gia, quốc tế (được cấp có thẩm quyền xác nhận)	30	
2	Tham dự với tư cách là thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo hoặc cộng tác viên cho các hoạt động cấp tỉnh, thành phố	15	
3	Tham dự với tư cách là thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo hoặc cộng tác viên cho các hoạt động (cấp trường, cấp khoa).	10	
4	Tham dự cố vấn cho hoạt động các cấp hoặc tham gia bình chọn, chia sẻ cho các dự án/sản phẩm dự thi của trường tại các cuộc thi các cấp (có kèm minh chứng đã bình chọn).	5	
5	Tham gia, hướng dẫn học sinh - sinh viên và có giải tại các cuộc thi có tính chất cạnh tranh, xếp hạng. Mức cộng điểm cho việc tham gia vào mỗi cuộc thi như sau:		
5.1	Có giải cấp quốc tế	+ Giải nhất: 90 giờ + Giải nhì: 70 giờ + Giải ba: 50 giờ + Giải khuyến khích: 30 giờ	
5.2	Có giải cấp quốc gia	+ Giải nhất: 70 giờ + Giải nhì: 50 giờ + Giải ba: 30 giờ + Giải khuyến khích: 15 giờ	
5.3	Có giải cấp tỉnh, thành phố (hoặc tương đương)	+ Giải nhất: 50 giờ + Giải nhì: 30 giờ + Giải ba: 15 giờ + Giải khuyến khích: 10 giờ	
5.4	Có giải cấp trường	25 giờ	
5.5	Có giải cấp khoa	20	

TT	Danh mục hoạt động Kết nối - phục vụ cộng đồng	Số giờ/ hoạt động	Ghi chú
6	Tham gia, hướng dẫn học sinh - sinh viên tham gia nhưng không đạt giải tại các cuộc thi (có chứng nhận tham gia của Ban Tổ chức cuộc thi)	15	
7	Tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ, tư vấn chuyên môn (học thuật) cho các doanh nghiệp/tổ chức địa phương.	Số giờ =kinh phí trong hợp đồng (triệu đồng) x 2	Ví dụ: kinh phí thực hiện đề tài chuyển giao công nghệ trong hợp đồng là 100 triệu đồng. Số giờ tương ứng=100x2=200 tiết Lưu ý: nếu đề tài CGCN nhiều thành viên tham gia thì số tiết được chia đều cho các thành viên (đính kèm hợp đồng chuyển giao, danh sách thành viên tham gia)
8	Tích hợp nội dung phục vụ cộng đồng vào chương trình giảng dạy (môn học) dựa trên vấn đề thực tế	Được tính bằng số tiết giảng thực tế theo quy định hiện hành của nhà trường	
9	Giảng dạy kỹ năng mềm cho học sinh THPT; giảng dạy các lớp tập huấn nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng cho cộng đồng; báo cáo viên trong các buổi Hội thảo, tọa đàm, hoạt động CLB học thuật, cho người học (cộng đồng), lớp giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài,...	Được tính bằng số tiết giảng thực tế theo quy định hiện hành của nhà trường	
10	Tham gia hội thảo chuyên ngành và đóng góp ý kiến tại hội thảo, góp phần quảng bá thương hiệu, hình ảnh của nhà trường ra cộng đồng, xã hội	10	Góp ý bổ sung
II. Các hoạt động tình nguyện-từ thiện-an sinh xã hội			
11	Hiên tiêu cầu, hiến tủy, hiến tạng...	30	
12	Các hoạt động tình nguyện gắn với chuyên môn; tư vấn hướng nghiệp - khởi nghiệp; cứu trợ thiên tai hoặc các hoạt động có tính chất tương tự... có thời gian tham gia từ 03 ngày trở lên	20	
13	Các hoạt động tình nguyện gắn với chuyên môn; tư vấn hướng nghiệp - khởi nghiệp, cứu trợ thiên tai hoặc các hoạt động có tính	15	

TT	Danh mục hoạt động Kết nối - phục vụ cộng đồng	Số giờ/ hoạt động	Ghi chú
	chất tương tự... có thời gian dưới 03 ngày.		
14	Hiển máu nhân đạo	15	
15	- Tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa (Dọn dẹp, vệ sinh, tôn tạo nghĩa trang liệt sĩ, thắp hương tri ân các anh hùng liệt sĩ; Thăm hỏi, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bệnh binh, gia đình có công với cách mạng...), giúp đỡ các đối tượng khó khăn (trẻ em mồ côi, tàn tật, khó khăn; người già neo đơn; bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng yếu thế khác trong xã hội...) - Các hoạt động khác có tính chất tương tự mà thời gian diễn ra dưới 01 ngày.	10	
16	Đóng góp vật chất (tiền hoặc hiện vật) để ủng hộ cho các hoạt động từ thiện, tình nguyện... (không tham gia trực tiếp vào hoạt động).	5	
III. Các hoạt động khác			
17	Tham gia các hoạt động giao lưu, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giữa nhà trường với các bên liên quan nhằm quảng bá thương hiệu, hình ảnh của nhà trường ra cộng đồng, xã hội	15	
18	Kết nối được nguồn tài trợ từ doanh nghiệp hoặc các tổ chức/cá nhân ngoài trường cho hoạt động giảng dạy, NCKH, hỗ trợ sinh viên của trường. (Hiện kim hoặc hiện vật được quy đổi ra giá trị tương đương)	Số giờ = kinh phí vận động được (triệu đồng) x 4 (đối với hoạt động cấp trường) Số giờ = kinh phí vận động được (triệu đồng) x 3 (đối với hoạt động cấp khoa)	Ví dụ: GV Trần Văn A vận động được 30 triệu từ DN tài trợ cho Hội thảo chuyên đề định hướng nghề nghiệp cho SV của trường. Như vậy, số giờ chuẩn PVCD của GV Trần Văn A được tính là $30 \times 4 = 120$ giờ.

Phụ lục này có 18 loại hình hoạt động KN-PVCD./.